

Số: 161/KH-CDN

Đồng Nai, ngày 29 tháng 9 năm 2020

KẾ HOẠCH

Sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn ngành Y tế tỉnh Đồng Nai lần thứ IX, nhiệm kỳ 2018-2023

Thực hiện Kế hoạch số 114/KH-LĐLĐ ngày 19/8/2020 của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai về việc sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh Đồng Nai lần thứ X;

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khoá của Ban Chấp hành Công đoàn ngành Y tế khoá IX, nhiệm kỳ 2018-2023; Ban Thường vụ Công đoàn ngành Y tế tỉnh Đồng Nai xây dựng kế hoạch sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn ngành Y tế tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2018-2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá đúng thực trạng tình hình Công nhân, viên chức, lao động (CNVCLĐ) và kết quả hoạt động của Công đoàn ngành Y tế tỉnh và các Công đoàn cơ sở về tổ chức chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội IX Công đoàn ngành Y tế tỉnh đề ra từ đầu nhiệm kỳ (*số liệu báo cáo hết tháng 12/2020*). Xác định rõ những việc làm được, chưa làm được, nguyên nhân.

2. Xác định nhóm chỉ tiêu chính và nhóm chỉ tiêu phối hợp mà Đại hội Công đoàn ngành Y tế lần thứ IX đề ra gắn với thực tiễn tình hình phong trào CNVCLĐ và hoạt động công đoàn cấp mình trong nửa nhiệm kỳ qua, trên cơ sở nghiên cứu cập nhật thêm các quan điểm mới trong Văn kiện Đại hội Đảng cấp mình để bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp trong nửa nhiệm kỳ còn lại nhằm thực hiện có hiệu quả nghị quyết đại hội.

3. Việc tổ chức sơ kết đảm bảo thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, tránh hình thức; vừa tổ chức sơ kết theo các cấp công đoàn, vừa tổ chức nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Công đoàn. Báo cáo cần có các số liệu xác thực để làm rõ kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội IX Công đoàn ngành và Đại hội Công đoàn cơ sở để đề xuất các giải pháp phù hợp với thực tiễn phong trào CNVCLĐ và hoạt động công đoàn trong giai đoạn hiện nay chuẩn bị cho Đại hội Công đoàn ngành Y tế lần thứ X.

II. NỘI DUNG

1. Đánh giá quá trình triển khai, kết quả đạt được trong thực hiện mục tiêu tổng quát, các nhóm chỉ tiêu, tập trung vào một số chuyên đề:

1.1. Thực hiện Kế hoạch số 70/KH-CDN ngày 28/3/2019 của Ban Chấp hành Công đoàn ngành Y tế (khóa IX) về Chương trình phát triển đoàn viên gắn

với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ Công đoàn giai đoạn 2018-2023.

- Đổi mới phương thức hoạt động, xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn chuyên nghiệp, bản lĩnh, trí tuệ, tâm huyết, trách nhiệm; tập hợp, thu hút đông đảo người lao động vào tổ chức Công đoàn tỉnh; xây dựng Công đoàn tỉnh vững mạnh; Tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đổi mới phương pháp, hình thức thu hút, tập hợp người lao động tham gia tổ chức Công đoàn; nâng cao chất lượng đoàn viên và hiệu quả công tác quản lý đoàn viên.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu hoạt động.

- Sắp xếp hoàn thiện mô hình tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của công đoàn các cấp; nâng cao chất lượng công tác xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh nhất là ở cấp cơ sở.

- Đẩy mạnh các hoạt động tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

1.2. Thực hiện Kế hoạch số 71/KH-CDN ngày 28/3/2019 của Ban Chấp hành Công đoàn ngành Y tế (khóa IX) về tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức chính trị, trình độ kỹ năng nghề nghiệp và đời sống văn hóa tinh thần cho cán bộ công đoàn, ĐV&NLĐ giai đoạn 2018-2023.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị, tinh thần yêu nước, hiểu biết pháp luật, trách nhiệm cao, tay nghề giỏi, góp phần xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam lớn mạnh.

- Tuyên truyền, giáo dục, góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong, kỷ luật lao động cho người lao động.

- Chủ động thông tin về tổ chức và hoạt động Công đoàn, chú trọng công tác định hướng thông tin trên Internet và mạng xã hội.

- Tham gia xây dựng môi trường văn hóa tích cực trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; đời sống tinh thần lành mạnh cho người lao động.

- Chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền đồng cấp về những vấn đề mới, diễn biến mới trong phong trào công nhân, viên chức, lao động và tổ chức công đoàn.

1.3. Thực hiện Kế hoạch số 72/KH-CDN ngày 28/3/2019 của Ban Chấp hành Công đoàn ngành Y tế (khóa IX) về Xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp; Nâng cao chất lượng thương lượng, ký kết và thực hiện hiệu quả thỏa ước lao động tập thể giai đoạn 2018-2023.

- Nâng cao hiệu quả đại diện, chăm lo lợi ích đoàn viên, người lao động, vì việc làm bền vững, đời sống ngày càng cao cho ĐV&NLĐ.

- Tập trung các nguồn lực và tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ đại diện bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đoàn viên, người lao động.

- Nâng cao năng lực đại diện bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người lao động, cán bộ công đoàn; tích cực, chủ động tham gia xây dựng chính sách, pháp luật, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ.

- Phát triển đa dạng, hiệu quả các hoạt động chăm lo lợi ích cho đoàn viên công đoàn. Đổi mới cơ chế hoạt động xã hội của công đoàn theo hướng phát triển các chương trình xuyên suốt toàn hệ thống như một chính sách an sinh xã hội của công đoàn.

Ngoài 03 Kế hoạch của Công đoàn ngành Y tế triển khai thực hiện Chương trình Nghị quyết Đại hội X Công đoàn tỉnh, các Công đoàn cơ sở tập trung báo cáo các nội dung:

- + Nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với điều kiện lao động, làm việc, công tác của cán bộ, công chức, viên chức, lao động. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng các mô hình, điển hình mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội cao.

- + Thực hiện toàn diện và chất lượng công tác nữ công ở các cấp công đoàn, trọng tâm là quyền và việc làm bền vững của lao động nữ; xây dựng gia đình công nhân, viên chức, lao động no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; chăm lo cho con công nhân, viên chức, lao động.

- + Nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác kiểm tra, giám sát công đoàn. Kiện toàn ủy ban kiểm tra và văn phòng ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp, từng bước nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác kiểm tra, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- + Tăng cường công tác quản lý thu, chi tài chính, quản lý tài sản công đoàn theo hướng chuyên nghiệp, công khai, minh bạch, thực hiện phân phối công bằng, hiệu quả; xây dựng nguồn lực đủ mạnh để đáp ứng nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn trong tình hình mới.

- + Đổi mới phương thức chỉ đạo và tổ chức thực hiện theo hướng lấy người lao động làm trung tâm; hoạt động chủ yếu ở cơ sở; công đoàn cấp trên phục vụ công đoàn cấp dưới; phát huy sức mạnh tổng hợp trong việc xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh. Đẩy mạnh cải cách hành chính; phát huy dân chủ, tăng cường trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện.

2. Tồn tại, hạn chế: Đánh giá những khó khăn, hạn chế, yếu kém, nguyên nhân (*khách quan, chủ quan*) trên từng lĩnh vực hoạt động và bài học kinh nghiệm trong triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XII, Đại hội X Công đoàn tỉnh, Đại hội Công đoàn ngành Y tế, Đại hội Công đoàn cơ sở.

3. Dự báo tình hình kinh tế - xã hội, tình hình công nhân, lao động thời gian tới. Nghiên cứu vận dụng Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, những yêu cầu mới đặt ra để bổ sung nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của các cấp công đoàn trong nửa nhiệm kỳ còn lại.

4. Kiến nghị của cán bộ, đoàn viên công đoàn, công nhân, viên chức, lao động và các cấp công đoàn đối với Đảng, Nhà nước, Liên đoàn Lao động tỉnh.

III. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Hình thức

Xây dựng báo cáo sơ kết; Sơ kết giữa nhiệm kỳ tại Hội nghị Ban Chấp hành công đoàn ngành và Công đoàn cơ sở (*vào dịp hội nghị tổng kết năm 2020 - không tổ chức hội nghị sơ kết riêng*).

2. Thời gian thực hiện

Ban hành Kế hoạch sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn ngành Y tế lần thứ IX, kèm Đề cương hướng dẫn Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội.

Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn ngành Y tế lần thứ IX đến tháng 12/2020.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công đoàn cơ sở

Công đoàn cơ sở tổ chức sơ kết giữa nhiệm kỳ vào dịp tổng kết năm 2020 trong tháng 12/2020 và gửi báo cáo về Công đoàn ngành trước ngày **20/12/2020**.

2. Công đoàn ngành Y tế

Tổ chức sơ kết giữa nhiệm kỳ đại hội vào dịp tổng kết năm 2020 trong tháng 01/2021.

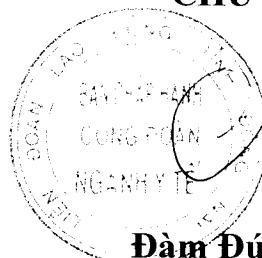
(Hồ sơ kèm theo gồm: Báo cáo giữa nhiệm kỳ *thực hiện Nghị quyết Đại hội IX Công đoàn ngành Y tế; Nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ X; Báo cáo tổng hợp số liệu hoạt động công đoàn giai đoạn 2018 -2020 - mẫu biểu kèm theo*).

Trên đây là kế hoạch sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn ngành Y tế tỉnh Đồng Nai lần thứ IX, nhiệm kỳ 2018-2023, đề nghị Ban chấp hành Công đoàn cơ sở trong ngành tổ chức thực hiện đạt yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ ĐU SYT; / Báo
- Ban Thường vụ LĐLĐ; / cáo
- Ban Thường vụ, BCH Công đoàn Ngành;
- 34 Công đoàn cơ sở (thực hiện);
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, CDN.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Đàm Đức Chính

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Đánh giá giữa nhiệm kỳ thực hiện
Nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ X

PHẦN THỨ NHẤT
Kết quả giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết
Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ X

I. BỐI CẢNH HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN VÀ TÌNH HÌNH CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC, LAO ĐỘNG

1. Bối cảnh hoạt động công đoàn

- Nêu rõ những thuận lợi, khó khăn cơ bản của ngành, địa phương và của tỉnh, đất nước có ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến công nhân, viên chức, lao động và hoạt động công đoàn.

- Sự phát triển của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới hoạt động của các đơn vị kinh tế, đơn vị sự nghiệp trực thuộc nhà nước có tác động ảnh hưởng đến hoạt động, tổ chức Công đoàn.

2. Tình hình công nhân, viên chức, lao động

- Số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ công nhân, viên chức, lao động.
- Tình hình việc làm, tiền lương, nhà ở và đời sống của người lao động.
- Tình hình thực hiện pháp luật lao động; quan hệ lao động, an toàn, vệ sinh lao động.
- Tình hình tư tưởng, tâm trạng của công nhân, viên chức, lao động.

(Lưu ý giai đoạn từ đầu nhiệm kỳ đến hết 31/12/2020).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CÔNG ĐOÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2018 – 2020.

1. Nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ đại diện, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đoàn viên và người lao động

- Đổi mới và nâng cao chất lượng tham gia xây dựng chính sách, pháp luật liên quan đến người lao động và tổ chức Công đoàn.

- Nâng cao chất lượng thương lượng, ký kết và thực hiện thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp.

- Tập trung nâng cao số lượng, chất lượng hội nghị cán bộ công chức, hội nghị người lao động và đối thoại tại nơi làm việc theo quy định.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động tư vấn pháp luật công đoàn. Thực hiện quyền và trách nhiệm tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi của đoàn viên, người lao động tại Tòa án theo quy định.

- Tích cực, chủ động tham gia xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp. Nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và nhu cầu, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động. Chú trọng tham gia giải

quyết ngay từ đầu các vướng mắc, bức xúc ở cơ sở, góp phần ngăn ngừa và giảm thiểu các vụ tranh chấp lao động và ngừng việc tập thể.

- Đẩy mạnh công tác tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát, phản biện xã hội nhất là những chủ trương, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

- Nâng cao hiệu quả công tác an toàn, vệ sinh lao động. Tham gia xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc, cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

2. Chăm lo lợi ích thiết thực cho đoàn viên và người lao động

- Đẩy mạnh Chương trình phúc lợi đoàn viên công đoàn, triển khai có hiệu quả các thỏa thuận hợp tác, chủ động tìm kiếm đối tác mới với các sản phẩm dịch vụ mới, tổ chức đàm phán, ký kết mang lại nhiều lợi ích tốt hơn cho đoàn viên công đoàn.

- Mô hình cải thiện các nhu cầu đời sống thiết yếu của công nhân, viên chức, lao động. Chủ động nghiên cứu, đề xuất với chính quyền cùng cấp thực hiện tốt chính sách nâng cao chất lượng cuộc sống cho công nhân, viên chức, lao động, nhất là vấn đề về nhà ở, nhà trẻ, giá điện, nước...

- Tích cực tham gia phát triển việc làm bền vững cho người lao động: Tập trung đầu tư nghiên cứu, khảo sát, dự báo tình hình tác động đến việc làm của người lao động; cập nhật, cung cấp thông tin về việc làm; tham gia xây dựng cơ chế hỗ trợ đoàn viên tìm kiếm việc làm mới, nhất là lao động nữ.

- Hoàn thiện, nâng cao hiệu quả các mô hình chăm lo lợi ích thiết thực cho đoàn viên công đoàn: “Tết Sum vầy”, Chương trình “Mái ấm Công đoàn”; hiệu quả hoạt động cho vay vốn từ nguồn Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm; các tổ chức, chương trình tài chính vi mô công đoàn (CEP), trọng tâm phục vụ đoàn viên công đoàn.

- Kết quả thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khóa XI về “Chất lượng bữa ăn ca của người lao động”; kiểm tra, giám sát về an toàn vệ sinh thực phẩm, chất lượng bữa ăn ca trong các bếp ăn tập thể và các doanh nghiệp dịch vụ cung cấp bữa ăn ca công nghiệp.

3. Đổi mới công tác tuyên truyền, vận động; nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức pháp luật, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động, trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và người lao động

- Công tác tuyên truyền, giáo dục, học tập về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, về tổ chức Công đoàn Việt Nam; tuyên truyền vận động người lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp để thích ứng với điều kiện lao động trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Việc tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

- Các hoạt động triển khai Chỉ thị số 52-CT/TW của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác nâng cao đời sống tinh thần cho công nhân, lao động khu công nghiệp, khu chế xuất”.

- Công tác truyền thông về tổ chức Công đoàn, việc sử dụng các ứng dụng tích cực của internet, mạng xã hội trong truyền tải thông tin và tương tác, chia sẻ với công nhân, lao động. Hoạt động nắm bắt dư luận xã hội trong các cấp công đoàn; xây dựng lực lượng nòng cốt đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về tổ chức Công đoàn.

- Đánh giá kết quả tổ chức hoạt động “Tháng Công nhân” hàng năm, sự phát triển, đổi mới, kết quả đạt được và hiệu quả mang lại.

- Hoạt động của đội ngũ tuyên truyền viên tại cơ sở; sự phát triển của mô hình “Tổ tự quản khu nhà trọ công nhân”; Công nhân nòng cốt tại các khu nhà trọ.

4. Xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh; tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

- Công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở (những đổi mới về phương pháp, hình thức, thu hút tập hợp người lao động); việc vận hành, khai thác, sử dụng phần mềm quản lý đoàn viên gắn với việc nâng cao chất lượng công tác xây dựng tổ chức công đoàn nhất là ở cấp cơ sở.

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng tổ chức Công đoàn nhất về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức Công đoàn trong các doanh nghiệp ngoài Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 01/3/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa X) và Kế hoạch số 104-KH-TU ngày 22/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch số 13-KH/ĐĐ ngày 10/4/2020 của Đảng Đoàn LĐLĐ tỉnh thực hiện Kế hoạch số 231-KH/TU ngày 12/12/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gắn với thực hiện Nghị quyết 03/NQ-BCH ngày 11/01/2019 của BCH Tổng Liên đoàn LĐVN (khóa XII) về công tác cán bộ công đoàn trong tình hình mới.

- Việc sắp xếp, hoàn thiện mô hình, tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ công đoàn các cấp, xây dựng và triển khai đề án vị trí việc làm theo các quy định của Đảng và Tổng Liên đoàn tại ngành và địa phương.

- Công tác tham gia xây dựng đảng, chính quyền; kết quả bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên công đoàn ưu tú cho Đảng xem xét, kết nạp.

5. Phát huy hiệu quả các phong trào thi đua, góp phần phát triển kinh tế - xã hội

- Kết quả triển khai Nghị quyết số 07/NQ-BCH ngày 15/01/2020 về đổi mới công tác thi đua, khen thưởng trong công nhân, viên chức, lao động và hoạt động công đoàn.

- Kết quả tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, người lao động, trọng tâm là các phong trào “Lao động giỏi”, “Lao động sáng tạo” cụ

thể, sát hợp với từng đối tượng: “Năng suất cao hơn, chất lượng tốt hơn” trong khu vực sản xuất kinh doanh; “Tham mưu giỏi, phục vụ tốt” trong khu vực cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, “Đổi mới, sáng tạo, hiệu quả” trong hoạt động công đoàn... Thi đua trên các công trình trọng điểm của ngành, đơn vị.

- Công tác biểu dương, tôn vinh, khen thưởng, phát hiện nhân rộng điển hình tiên tiến, mô hình hoạt động hiệu quả (lưu ý số lượng, tỉ lệ khen thưởng đối với lao động trực tiếp).

6. Nâng cao chất lượng công tác nữ công, góp phần chăm lo, xây dựng đội ngũ nữ công nhân, viên chức, lao động trong tình hình mới

- Kết quả tham gia, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quyền của lao động nữ; tham mưu giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc của lao động nữ, hỗ trợ lao động nữ có việc làm bền vững, môi trường làm việc an toàn, bình đẳng.

- Hoạt động xây dựng gia đình công nhân, viên chức, lao động no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật, chăm sóc sức khỏe sinh sản cho lao động nữ. Các mô hình hỗ trợ nữ công nhân, viên chức, lao động vì sự tiến bộ của các thành viên trong gia đình. Hoạt động xã hội góp phần hỗ trợ nữ đoàn viên và lao động nữ chăm sóc, giáo dục con cái. Kết quả tổ chức tuyên dương con CNVCLĐ, lực lượng vũ trang có thành tích “Học giỏi-sống tốt”.

- Hoạt động của công tác nữ công và Ban Nữ công quân chủng của công đoàn các cấp, nhất là ở cấp cơ sở; việc giới thiệu cán bộ, đoàn viên, lao động nữ ưu tú, tiêu biểu cho các cấp uỷ Đảng, chính quyền, công đoàn để đào tạo, bồi dưỡng trở thành cán bộ lãnh đạo.

- Công tác phối hợp với Hội phụ nữ cùng cấp thúc đẩy bình đẳng giới và sự tiến bộ phụ nữ.

7. Công tác kiểm tra và hoạt động của Ủy ban kiểm tra

- Đánh giá khái quát hoạt động của ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp theo chức năng, nhiệm vụ.

8. Công tác tài chính và hoạt động kinh tế công đoàn

- Công tác thu, chi, quản lý, sử dụng tài chính công đoàn.

- Kết quả triển khai thu kinh phí công đoàn tại doanh nghiệp qua một tài khoản tập trung của tổ chức Công đoàn.

- Việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về tài chính công đoàn.

- Đổi mới, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp kinh tế, đơn vị kinh tế công đoàn.

10. Công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện

- Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ X.

- Hướng về cơ sở, giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc của công nhân, viên chức, lao động; khắc phục bệnh hành chính, hình thức, thành tích trong hoạt động công đoàn.

- Môi quan hệ phối hợp với các cơ quan, đoàn thể liên quan.
- Công tác cải cách hành chính, chế độ thông tin, báo cáo, ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và hoạt động công đoàn.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH CỤ THỂ HÓA CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ CỦA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XII CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

- Đánh giá kết quả thực hiện và tác động đối với tổ chức và hoạt động công đoàn của các chương trình:

- Chương trình số 2494/CTr-TLĐ ngày 19/12/2018 về nâng cao hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ cho người lao động, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, giai đoạn 2018 - 2023.
- Chương trình số 1734/CTr-TLĐ ngày 14/11/2019 về nâng cao phúc lợi, lợi ích cho đoàn viên và người lao động giai đoạn 2019 - 2023.
- Chương trình số 1306/CTr-TLĐ ngày 15/8/2019 về Công đoàn Việt Nam đồng hành cùng Chính phủ nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và phát triển bền vững đất nước giai đoạn 2019 - 2023.
- Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch 86/KH-LĐLĐ ngày 14/2/2020 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình số 1563/CTr-TLĐ ngày 09/10/2019 về xây dựng đội ngũ chủ tịch công đoàn cơ sở ngoài khu vực nhà nước đủ năng lực, phẩm chất, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Tập trung làm nổi bật những cách làm hay, mới, đem lại hiệu quả, tác dụng thực tế tại đơn vị.

Đánh giá công tác quán triệt, chỉ đạo tổ chức thực hiện đối với Chương trình số 740/CTr-TLĐ ngày 22/7/2020 xây dựng nguồn lực tài chính đủ mạnh đáp ứng nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn trong tình hình mới.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU

- Thông kê kết quả thực hiện các chỉ tiêu thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ X gắn với các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XII (*Biểu mẫu kèm theo, số liệu trong phụ lục được tình trong 3 năm là 2018, 2019 và 2020*).

V. HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN

- Trên cơ sở kết quả hoạt động công đoàn trong nửa nhiệm kỳ qua, chỉ rõ hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân.

VI. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

- Bài học kinh nghiệm (nếu có).

PHẦN THỨ HAI
Nhiệm vụ chủ yếu đến hết nhiệm kỳ
Những đề xuất và kiến nghị

1. Từ kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ X và Nghị quyết Đại hội Công đoàn cấp mình trong nửa nhiệm kỳ qua, căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, nghiên cứu bổ sung nhiệm vụ, giải pháp, phấn đấu hoàn thành toàn diện Nghị quyết Đại hội Công đoàn của cấp mình và Nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ X.

2. Kiến nghị của cán bộ, đoàn viên công đoàn, công nhân, viên chức, lao động và các cấp công đoàn đối với Đảng, Nhà nước, Tổng Liên đoàn.

(Báo cáo cần có số liệu minh họa tại các mục đánh giá, có so sánh đối chiếu với đầu nhiệm kỳ và kết quả thực hiện tương ứng của nhiệm kỳ trước).

-----oOo-----

BÁO CÁO THỐNG KÊ GIỮA NHIỆM KỲ
Kết quả thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh Đồng Nai
lần thứ X, nhiệm kỳ 2018-2023
(số liệu tính đến)

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện						Ghi chú
				6 tháng 2018	2019	2020	2021	2022	6 tháng 2023	
I	Về tổ chức									
1	Tổng số đoàn viên/ TS lao động		người	/	/	/	/	/	/	
	- Phát triển đoàn viên, trong đó:	120.000	người							
	+ Phát triển ĐV nơi đã có tổ chức CĐ		"							
	+ Kết nạp ĐV nơi mới thành lập CĐCS		"							
	- ĐV giảm		"							
	- ĐV thực tăng		"							
	- Tỷ lệ tập hợp đoàn viên/ lao động, trong đó:	95	%	/	/	/	/	/	/	
	+ Khu vực HCSN	98	"							
	+ Khu vực DN nhà nước	95	"							
	+ Khu vực DN ngoài nhà nước	90	"							
2	Tổng số CĐCS, nghiệp đoàn/ TS đơn vị đủ điều kiện thành lập CĐCS		CĐCS	/	/	/	/	/	/	
	- Tổng số CĐCS thành lập mới, trong đó:	300	CĐCS							
	+ Khu vực HCSN		"							
	+ Khu vực doanh nghiệp		"							
	- Tổng số CĐCS chuyển đến, trong đó:		CĐCS							

	+ Khu vực HCSN		“							
	+ Khu vực doanh nghiệp		“							
	- Tổng số CĐCS giảm (sáp nhập, giải thể, chuyển đi), trong đó:		CĐCS							
	+ Khu vực HCSN		“							
	+ Khu vực doanh nghiệp		“							
	- Tổng số CĐCS thực tăng, trong đó:		CĐCS							
	+ Khu vực HCSN		“							
	+ Khu vực doanh nghiệp		“							
3	Đoàn viên nòng cốt, trong đó:	45	%							
	- Khu vực HCSN	45	“							
	- Khu vực DN nhà nước	45	“							
	- Khu vực DN ngoài nhà nước	15	“							
4	Mỗi CĐCS giới thiệu ít nhất 1 đoàn viên ưu tú cho tổ chức Đảng hàng năm (đến 2023 là 12.0000 ĐV)	100	%							
	Đoàn viên được kết nạp vào Đảng, trong đó:		người							
	- Khu vực HCSN		“							
	- Khu vực DN		“							
5	Phân loại tổ chức CĐ hàng năm, trong đó:									
	- LĐLĐ tỉnh									
	- CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở được xếp loại tốt	100	%							
	- CĐCS, nghiệp đoàn đạt vững mạnh, trong đó:	75	“							
	+ Khu vực HCSN	95	“							
	+ Khu vực DN nhà nước	90	“							
	+ Khu vực DN ngoài nhà nước	65	“							
6	CĐCS cập nhật phần mềm quản lý đoàn viên, trong đó:		CĐCS							
	- Khu vực HCSN		“							
	- Khu vực doanh nghiệp		“							
	Đoàn viên được cập nhật, trong đó:		người							

	- Khu vực HCSN		“							
	- Khu vực doanh nghiệp		“							
	Đoàn viên được đổi thẻ đoàn viên, trong đó:		người							
	- Khu vực HCSN		“							
	- Khu vực doanh nghiệp		“							
II	Công tác nữ công									
7	Thành lập Ban Nữ công quân chúng/ đơn vị đủ điều kiện thành lập, trong đó:		Ban	/	/	/	/	/	/	
	- CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở		“							
	- CĐCS khu vực HCSN		“	/	/	/	/	/	/	
	- CĐCS khu vực doanh nghiệp		“	/	/	/	/	/	/	
8	Tổ chức tuyên dương con CNVCLĐ, LLVT “Học giỏi, sống tốt” Trị giá quà		cháu							
	- LĐLĐ tỉnh Trị giá quà		triệu đồng							
	- CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở Trị giá quà		cháu triệu đồng							
	- CĐCS Trị giá quà		cháu triệu đồng							
9	Tổ chức phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, trong đó:		chị							
	- LĐLĐ tỉnh khen thưởng		“							
	- CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở khen thưởng		“							
	- CĐCS khen thưởng		“							
III	Công tác tài chính									
10	Tổng thu, trong đó:		triệu							
										Theo chỉ tiêu TLĐ hàng năm

			đồng							
	- Thu kinh phí		“							
	- Thu đoàn phí		“							
	- Thu khác		“							
	Tổng chi		“							
IV	Hoạt động kiểm tra, giám sát									
11	Kiểm tra về chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam		cuộc							
	- LĐLĐ tỉnh:		“							
	+ Kiểm tra CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở.		“							
	+ Kiểm tra CĐCS		“							
	- CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở kiểm tra CĐCS		“							
	- CĐCS kiểm tra		“							
12	Kiểm tra về quản lý tài chính, tài sản CĐ:		cuộc							
	- LĐLĐ tỉnh:		“							
	+ Kiểm tra đồng cấp		“							
	+ Kiểm tra CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở và đơn vị sự nghiệp trực thuộc		“							đ/v được phân cấp tài chính
	+ Kiểm tra CĐCS		“							
	- CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở:		“							
	+ Kiểm tra đồng cấp		“							
	+ Kiểm tra CĐCS		“							
	- CĐCS kiểm tra đồng cấp		“							
13	Giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp CĐ/ số đơn thuộc thẩm quyền.	100	%							
V	Công tác chính sách pháp luật, TĐKT									
14	Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở:									
	- Hội nghị CBCCVC khu vực HCSN/ số CĐCS HCSN	100	%							

	- Hội nghị NLĐ khu vực DN nhà nước/ số CĐCS DNNN	95	%							
	- Hội nghị NLĐ khu vực DN ngoài nhà nước/ số CĐCS DNNNN	65	%							
15	Ký thỏa thuận hợp tác đoàn viên được hưởng lợi ích		bản							
	- Số bản thỏa thuận		“							
	- Số đoàn viên được hưởng lợi		“							
16	Tổ chức đối thoại tại nơi làm việc		cuộc							
	- Doanh nghiệp nhà nước		“							
	- Doanh nghiệp ngoài nhà nước		“							
17	CĐCS phối hợp với chuyên môn triển khai, phát động phong trào thi đua hàng năm, trong đó:									
	- CĐCS khu vực HCSN	100	%							
	- CĐCS khu vực doanh nghiệp	90	%							
18	Xây dựng, sửa chữa nhà Mái ấm Công đoàn * Tổng số tiền, trong đó:		căn tỉ đồng							
	- Xây mới + Số tiền.		căn tỉ đồng							
	- Sửa chữa + Số tiền		căn tỉ đồng							
VI	Về quan hệ lao động									
19	Tổng số bản TULĐTT, trong đó:		bản							
	- TULĐTT khu vực DN nhà nước	100	%							
	+ Ký mới									
	+ Sửa đổi, bổ sung									
	- TULĐTT khu vực DN ngoài nhà nước	80	%							
	+ Ký mới									
	+ Sửa đổi, bổ sung									
	Chất lượng các bản TULĐTT đạt loại B trở lên	40	%							
20	Tổng số CĐCS có thực hiện bữa ăn		CĐCS							

	ca									
	Tổng số CĐCS thực hiện bữa ăn ca từ 15.000đ/suất trở lên, trong đó:		“							
	- DN ngoài nhà nước		“							
	- DN vốn đầu tư nước ngoài		“							
21	Số cuộc tham gia giám sát theo Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị		cuộc							
22	Số cuộc tổ chức và tham gia giám sát về chính sách pháp luật liên quan người lao động, trong đó:		“							
	- LĐLĐ tỉnh		“							
	- Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở		“							
VII	Công tác tuyên giáo									
23	Tổ chức hoạt động Tháng Công nhân		hoạt động							
	- LĐLĐ tỉnh		“							
	- Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở		“							
	- CĐCS		“							
24	Hoạt động kỷ niệm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam		hoạt động							
	- LĐLĐ tỉnh		“							
	- Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở		“							
	- CĐCS		“							
25	Công tác tuyên truyền, giáo dục									
	- CĐCS tổ chức hoạt động (sinh hoạt) chuyên đề tuyên truyền về chủ nghĩa Mac-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh hàng năm	100	CĐCS							
	- Cán bộ CĐ được học tập, tuyên truyền, quán triệt các nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và nghị quyết của Công đoàn	100	%							
	- Đoàn viên CĐ được học tập, tuyên truyền, quán triệt các nghị quyết của	90	%							

	Đảng, CSPL của nhà nước và nghị quyết CĐ									
	- Đoàn viên, NLĐ được tham gia hoạt động tuyên truyền về lịch sử, truyền thống của địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hàng năm	100	%							
	- Tổ chức tuyên truyền phổ biến trong CNVCLĐ về tình hình xây dựng, phát triển của địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hàng năm:		cuộc							
	+ LĐLĐ tỉnh	02	“							
	+ CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở	02	“							
	+ Mỗi CĐCS	02	“							
26	Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đăng ký xây dựng CQ, ĐV, DN “đạt chuẩn văn hóa”, trong đó:		%							
	- Khu vực HCSN	100	“							
	- Khu vực DN nhà nước	100	“							
	- Khu vực DN ngoài nhà nước	70	“							
	Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp “đạt chuẩn văn hóa”	80	%							
27	Phối hợp tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao... hàng năm		hoạt động							
	- LĐLĐ tỉnh	05	“							
	- Mỗi Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	05	“							
	- Mỗi CĐCS	02	“							
	- Đoàn viên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao...	80	%							
28	CĐCS phát động phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội	100	“							
29	CĐCS tổ chức cho đoàn viên đăng	100	“							

	ký cam kết không sử dụng ma túy, không vi phạm pháp luật									
VIII	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, chính trị									
30	Công tác đào tạo của LĐLĐ tỉnh									
	- Mở lớp trung cấp lý luận chính trị	01	lớp							
	- Mở lớp quản lý nhà nước ngạch chuyên viên	01	lớp							
	- Mở lớp lý luận và nghiệp vụ công tác CĐ (Đại học phần CĐ)	02	lớp							
31	Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn (đến năm 2023)									
	- Cán bộ chuyên trách LĐLĐ tỉnh									
	+ Có trình độ Đại học	98	%							
	+ Được đào tạo nghiệp vụ CĐ	90	“							
	- Cán bộ chuyên trách CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở									
	+ Có trình độ Đại học	98	%							
	+ Được đào tạo nghiệp vụ CĐ	90	“							
	- Cán bộ chủ chốt CĐCS (chủ tịch, phó chủ tịch)									
	+ Có trình độ học vấn 12/12	90	%							
	+ Có trình độ đại học	60	“							
	+ Có chứng chỉ công nghệ thông tin căn bản	55	“							
	+ Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 1	50	“							
	+ Được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Công đoàn	100	“							
	- Đoàn viên Công đoàn									
	+ Có trình độ học vấn 12/12	62	%							
	+ Được đào tạo nghề, chuyên môn, nghiệp vụ	60	“							
	- Cán bộ BHLĐ và mạng lưới ATVSV được tập huấn nghiệp vụ	80	%							
32	Chủ tịch CĐCS có trình độ lý luận									

	chính trị trung cấp (trong nhiệm kỳ)									
	- Khu vực cơ quan hành chính	100	%							
	- Khu vực đơn vị sự nghiệp	30	“							
	- Khu vực DNNN	100	“							
	- Khu vực DNNNN	10	“							

TM. BAN CHẤP HÀNH